

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 25 /2025/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 31 tháng 8 năm 2025

THÔNG TƯ

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2024/TT-NHNN
quy định việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán
tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán**

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ Luật Phòng, chống rửa tiền số 14/2022/QH15;

Căn cứ Nghị định số 52/2024/NĐ-CP của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt;

Căn cứ Nghị định số 19/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật phòng, chống rửa tiền;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thanh toán;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2024/TT-NHNN quy định việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 7

“2. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực mở tài khoản thanh toán cho các đơn vị Kho bạc Nhà nước, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điểm, khoản của Điều 9

- Bãi bỏ quy định tại điểm a(iv) và điểm b(iv) khoản 3 Điều 9.
- Thay thế cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh” bằng cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực” tại khoản 3, khoản 4 Điều 9.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 12

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 12 như sau:

“a) Trường hợp cá nhân là công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân, thẻ căn cước hoặc căn cước điện tử hoặc giấy khai sinh đối với người dưới 14 tuổi chưa có thẻ căn cước;”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm c(i) khoản 2 Điều 12 như sau:

“(i) Hộ chiếu hoặc giấy tờ khác chứng minh được nhân thân do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp, đối với người nước ngoài cư trú tại Việt Nam phải có thêm thị thực nhập cảnh hoặc giấy tờ có giá trị thay thị thực hoặc giấy tờ chứng minh được miễn thị thực nhập cảnh; hoặc”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 12 như sau:

“3. Tài liệu, thông tin, dữ liệu của khách hàng là tổ chức: Các tài liệu, thông tin, dữ liệu để xác minh thông tin nhận biết khách hàng theo quy định tại Luật Phòng, chống rửa tiền kèm theo các tài liệu, thông tin, dữ liệu của người đại diện hợp pháp, kế toán trưởng hoặc người phụ trách kế toán (nếu có) theo quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp tổ chức sử dụng tài khoản định danh điện tử, ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không yêu cầu cung cấp các tài liệu, thông tin, dữ liệu đã có trong tài khoản định danh điện tử của tổ chức.”.

Điều 4. Bổ sung điểm c1 vào sau điểm c khoản 1 Điều 13

“c1) Số hiệu tài khoản thanh toán, tên tài khoản thanh toán. Trong đó tên tài khoản thanh toán được đặt như sau:

(i) Đối với tài khoản thanh toán cá nhân, tên tài khoản thanh toán được đặt theo thông tin họ và tên trên giấy tờ tùy thân của khách hàng;

(ii) Đối với tài khoản thanh toán tổ chức, tên tài khoản thanh toán phải bao gồm tên của tổ chức trên giấy phép thành lập, quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ chứng minh tổ chức được thành lập, hoạt động hợp pháp;

(iii) Đối với tài khoản thanh toán chung, tên tài khoản thanh toán do ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đặt trên cơ sở thể hiện được tên của các chủ tài khoản và không trùng với tên tài khoản thanh toán của các cá nhân, tổ chức khác.”.

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 15

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 15 như sau:

“2. Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ; đối chiếu đảm bảo sự khớp đúng, chính xác của các tài liệu, thông tin, dữ liệu mà khách hàng cung cấp; tiến hành xác minh thông tin nhận biết khách hàng theo quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền và các quy định sau:

a) Đối với chủ tài khoản thanh toán là cá nhân:

(i) Trường hợp chủ tài khoản hoặc người đại diện là cá nhân sử dụng thẻ căn cước hoặc căn cước điện tử hoặc thẻ căn cước công dân (có bộ phận lưu trữ

thông tin) hoặc danh tính điện tử, ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải gặp mặt trực tiếp chủ tài khoản hoặc người đại diện của chủ tài khoản và thực hiện kiểm tra đối chiếu giấy tờ tùy thân, đối chiếu khớp đúng thông tin sinh trắc học của chủ tài khoản hoặc người đại diện của chủ tài khoản theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 16 Thông tư này;

(ii) Trường hợp chủ tài khoản hoặc người đại diện là cá nhân sử dụng thẻ căn cước công dân (không có bộ phận lưu trữ thông tin) hoặc giấy khai sinh đối với người dưới 14 tuổi chưa có thẻ căn cước hoặc hộ chiếu, ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải gặp mặt trực tiếp chủ tài khoản hoặc người đại diện của chủ tài khoản và thực hiện kiểm tra, đối chiếu giấy tờ tùy thân, đối chiếu khớp đúng thông tin sinh trắc học của chủ tài khoản hoặc người đại diện của chủ tài khoản với thông tin sinh trắc học hiển thị trên giấy tờ tùy thân của người đó;

(iii) Trường hợp chủ tài khoản là cá nhân người nước ngoài không có mặt tại Việt Nam, ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện xác minh thông tin nhận biết khách hàng thông qua bên thứ ba hoặc thông qua việc thuê tổ chức khác;

(iv) Trường hợp người đại diện là tổ chức thực hiện theo quy định tại điểm b khoản này.

b) Đối với chủ tài khoản thanh toán là tổ chức:

(i) Trường hợp chủ tài khoản là tổ chức được thành lập và hoạt động tại Việt Nam (trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này), ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải gặp mặt trực tiếp người đại diện hợp pháp của chủ tài khoản, thực hiện kiểm tra xác minh thông tin người đại diện hợp pháp của chủ tài khoản theo quy định tại điểm a(i), a(ii), a(iii) khoản này.

(ii) Trường hợp chủ tài khoản là pháp nhân nước ngoài (trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này), ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện xác minh thông tin người đại diện hợp pháp của chủ tài khoản qua bên thứ ba hoặc thuê tổ chức khác nhưng phải đảm bảo bên thứ ba hoặc tổ chức khác gặp mặt trực tiếp người đại diện hợp pháp của chủ tài khoản và thực hiện kiểm tra, đối chiếu giấy tờ tùy thân, đối chiếu khớp đúng thông tin sinh trắc học của người đại diện hợp pháp với thông tin sinh trắc học hiển thị trên giấy tờ tùy thân của người đó.

c) Đối với tài khoản thanh toán chung:

(i) Trường hợp chủ tài khoản thanh toán chung là cá nhân thực hiện theo quy định tại điểm a khoản này;

(ii) Trường hợp chủ tài khoản thanh toán chung là tổ chức thực hiện theo quy định tại điểm b khoản này.

d) Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không bắt buộc thực hiện theo quy định tại điểm b khoản này đối với các tổ chức sau:

(i) Các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

- (ii) Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- (iii) Các tổ chức niêm yết theo quy định tại Luật chứng khoán;
- (iv) Các tổ chức thuộc danh sách Fortune Global 500 do Tạp chí Fortune công bố vào năm liền trước;
- (v) Các tổ chức khác do ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài lựa chọn và chịu hoàn toàn trách nhiệm về các rủi ro từ việc lựa chọn này. Danh mục các tổ chức do ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài lựa chọn phù hợp với tiêu chí được quy định tại quy định nội bộ về mở và sử dụng tài khoản thanh toán của đơn vị. Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải đảm bảo xác minh chính xác về khách hàng mở tài khoản và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với việc nhận biết khách hàng mở tài khoản thanh toán tại đơn vị mình.

đ) Trong trường hợp khách hàng đăng ký giao dịch trên phần mềm ứng dụng cung cấp dịch vụ trực tuyến trong ngành ngân hàng, ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải kiểm tra thông tin về số điện thoại của chủ tài khoản hoặc người đại diện của chủ tài khoản (đối với khách hàng cá nhân), người đại diện hợp pháp của chủ tài khoản (đối với khách hàng tổ chức) đảm bảo thông tin về người sử dụng số thuê bao trùng khớp thông tin trên giấy tờ tùy thân của người đó.”.

2. Bổ sung khoản 7 như sau:

“7. Quy định tại khoản 2 Điều này không áp dụng đối với trường hợp mở tài khoản thanh toán theo quy định tại Điều 15a, Điều 16 Thông tư này.”.

Điều 6. Bổ sung Điều 15a vào sau Điều 15

“Điều 15a. Việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán của nhà đầu tư nước ngoài là người không cư trú để thực hiện hoạt động đầu tư gián tiếp tại Việt Nam

1. Nhà đầu tư nước ngoài là người không cư trú (sau đây gọi tắt là nhà đầu tư nước ngoài) thực hiện hoạt động đầu tư gián tiếp tại Việt Nam được ủy quyền cho tổ chức có hợp đồng dịch vụ lưu ký với nhà đầu tư nước ngoài để mở, đóng và sử dụng tài khoản thanh toán tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải thực hiện nhận biết đối với nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức được ủy quyền theo quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền.

2. Việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán của nhà đầu tư nước ngoài để thực hiện hoạt động đầu tư gián tiếp tại Việt Nam thực hiện theo quy định tại Thông tư này, quy định hiện hành về quản lý ngoại hối và các quy định sau:

a) Không áp dụng quy định về việc hợp pháp hóa lãnh sự tại điểm a khoản 6 Điều 12 Thông tư này. Đối với các tài liệu trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán của nhà đầu tư nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp phải được công chứng, chứng thực phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam hoặc pháp luật nước ngoài trong vòng 12 tháng tính đến ngày ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nhận hồ sơ;

b) Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ và đối chiếu đảm bảo sự khớp đúng, chính xác của các tài liệu, thông tin, dữ liệu mà khách hàng cung cấp và tiến hành xác minh thông tin nhận biết khách hàng theo quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền.

c) Không áp dụng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5; khoản 3 Điều 19; điểm b khoản 2 Điều 21 Thông tư này.

3. Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được sử dụng hệ thống SWIFT trong việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán cho nhà đầu tư nước ngoài để thực hiện hoạt động đầu tư gián tiếp tại Việt Nam. Việc mở tài khoản thanh toán qua hệ thống SWIFT thực hiện theo quy định tại Điều này.”.

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 16

1. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 16 như sau:

“c) Lưu trữ, bảo quản đầy đủ, chi tiết đối với các tài liệu, thông tin, dữ liệu nhận biết khách hàng trong quá trình mở, sử dụng tài khoản thanh toán bằng phương tiện điện tử, như: thông tin nhận biết khách hàng; các yếu tố sinh trắc học của chủ tài khoản thanh toán cá nhân, người đại diện hợp pháp của tổ chức mở tài khoản thanh toán; âm thanh, hình ảnh, bản ghi hình, ghi âm; số điện thoại đăng ký giao dịch trên phần mềm ứng dụng cung cấp dịch vụ trực tuyến trong ngành ngân hàng; thông tin định danh duy nhất của thiết bị giao dịch; nhật ký giao dịch; kết quả đối chiếu thông tin sinh trắc học theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này. Các thông tin, dữ liệu phải được lưu trữ an toàn, bảo mật, được sao lưu dự phòng, đảm bảo tính đầy đủ, toàn vẹn của dữ liệu để phục vụ cho công tác kiểm tra, đối chiếu, xác thực chủ tài khoản trong quá trình sử dụng tài khoản thanh toán, giải quyết tra soát, khiếu nại, tranh chấp và cung cấp thông tin khi có yêu cầu từ cơ quan có thẩm quyền. Thời gian thực hiện theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền và giao dịch điện tử;”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 16 như sau:

“3. Việc mở tài khoản thanh toán bằng phương tiện điện tử không áp dụng đối với các trường hợp sau:

a) Tài khoản thanh toán chung;

b) Khách hàng cá nhân theo quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 11 Thông tư này.”

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 17

1. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 5 Điều 17 như sau:

“d) Áp dụng các hình thức xác nhận giao dịch điện tử đối với từng loại giao dịch trong thanh toán bằng phương tiện điện tử theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về an toàn, bảo mật cho việc cung cấp dịch vụ trực tuyến trong ngành ngân hàng”.

2. Bổ sung điểm e khoản 5 Điều 17 như sau:

“e) Quy định tại điểm c khoản 5 Điều 17 Thông tư này không áp dụng đối với các trường hợp sau:

- (i) Khách hàng rút tiền bằng thẻ vật lý tại ATM;
- (ii) Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trích nợ theo quy định tại điểm a(iv) khoản 1 Điều 21 Thông tư này;
- (iii) Khách hàng là tổ chức quy định tại điểm d khoản 2 Điều 15 Thông tư này;
- (iv) Khách hàng là nhà đầu tư nước ngoài mở tài khoản thanh toán theo quy định tại Điều 15a Thông tư này.”.

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 19

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a(i) khoản 1 Điều 19 như sau:

“(i) Biện pháp kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ và đối chiếu đảm bảo sự khớp đúng, chính xác của các tài liệu, thông tin, dữ liệu trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán của khách hàng; việc định kỳ thực hiện kiểm tra đối chiếu, xác minh lại thông tin nhận biết khách hàng trong quá trình sử dụng tài khoản thanh toán;”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 19 như sau:

“b) Bộ tiêu chí nhận diện các tài khoản thanh toán có dấu hiệu nghi ngờ gian lận, lừa đảo, vi phạm pháp luật (sau đây gọi tắt là Bộ tiêu chí) tối thiểu bao gồm các dấu hiệu về: nghi ngờ tính hợp pháp, hợp lệ của giấy tờ, tài liệu, thông tin, dữ liệu trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán; số lượng, giá trị, tần suất giao dịch qua tài khoản thanh toán không phù hợp với thông tin nhận biết khách hàng của chủ tài khoản (bao gồm thông tin liên quan đến nghề nghiệp, chức vụ của khách hàng là cá nhân); chủ tài khoản thanh toán hoặc người đại diện hợp pháp của tổ chức mở tài khoản thuộc danh sách cảnh báo của cơ quan chức năng; tài khoản thanh toán có giao dịch thanh toán nhưng không thể liên hệ được với khách hàng. Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải thường xuyên rà soát, chỉnh sửa, bổ sung, cập nhật Bộ tiêu chí dựa trên các tài liệu, thông tin, dữ liệu trong quá trình mở và sử dụng tài khoản thanh toán của khách hàng;”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm c(iii) khoản 1 Điều 19 như sau:

“(iii) Các trường hợp áp dụng từ chối hoặc tạm dừng thực hiện rút tiền, các giao dịch thanh toán bằng phương tiện điện tử; trong đó bao gồm trường hợp tài khoản thanh toán có giao dịch thanh toán nhưng không thể liên hệ được với khách hàng theo thông tin liên hệ do khách hàng cung cấp.”

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 21

1. Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 2 Điều 21 như sau:

“đ) Cập nhật thông tin khách hàng định kỳ hoặc khi khách hàng thông báo thay đổi thông tin trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán hoặc khi có nghi ngờ về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin nhận biết khách hàng đã thu thập trước đó đảm bảo thông tin cập nhật được xác minh đầy đủ theo quy định và kịp thời

cập nhật, xác minh thông tin nhận biết khách hàng khi xác định khách hàng có mức độ rủi ro cao theo tiêu chí do ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ban hành. Bảo quản lưu trữ hồ sơ tài khoản thanh toán và các chứng từ giao dịch qua tài khoản theo đúng quy định của pháp luật;”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm i khoản 2 Điều 21 như sau:

“i) Hướng dẫn khách hàng sử dụng tài khoản thanh toán an toàn, sử dụng đúng số hiệu tài khoản, tên tài khoản thanh toán trong thỏa thuận mở và sử dụng tài khoản thanh toán khi thực hiện giao dịch thanh toán, thông báo, giải thích cho khách hàng về hành vi bị cấm trong mở, sử dụng tài khoản thanh toán và giải đáp, xử lý kịp thời thắc mắc, khiếu nại của khách hàng trong mở và sử dụng tài khoản thanh toán theo quy định tại Thông tư này và thỏa thuận giữa chủ tài khoản thanh toán với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;”.

3. Sửa đổi điểm k khoản 2 Điều 21 như sau:

“k) Ban hành, tổ chức thực hiện và tuân thủ đầy đủ quy định nội bộ về mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; hướng dẫn, thông báo công khai các quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục mở, sử dụng tài khoản thanh toán và quy định về xử lý tra soát, khiếu nại, mẫu giấy đề nghị tra soát khiếu nại để khách hàng biết và thực hiện. Quy định nội bộ phải bao gồm tối thiểu các nội dung sau:

(i) Quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục mở tài khoản thanh toán, trong đó bao gồm trường hợp mở tài khoản thanh toán bằng phương tiện điện tử và việc mở tài khoản thanh toán đối với các khách hàng là người khuyết tật, người không đủ năng lực hành vi dân sự, người bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự;

(ii) Quy định về thỏa thuận mở và sử dụng tài khoản thanh toán và nguyên tắc đặt tên đối với tài khoản thanh toán chung;

(iii) Quy định về việc sử dụng tài khoản thanh toán;

(iv) Quy định về xử lý tra soát, khiếu nại, mẫu giấy đề nghị tra soát khiếu nại;

(v) Quy định về quản lý rủi ro trong việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 19 Thông tư này;

(vi) Tiêu chí lựa chọn và danh mục khách hàng tổ chức quy định tại điểm d(v) khoản 2 Điều 15.”.

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 22

“2. Định kỳ trước ngày 10 hàng tháng, ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cung cấp theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước thông tin về các tài khoản nghi ngờ liên quan gian lận, lừa đảo, vi phạm pháp luật theo Phụ lục 02, Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư này. Việc cung cấp thông tin được thực hiện bằng phương tiện điện tử theo hướng dẫn kỹ thuật kết nối của Ngân hàng Nhà nước.

Trong trường hợp có thay đổi thông tin tại Phụ lục 02, Phụ lục 03, ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải kịp thời cập nhật gửi Ngân hàng Nhà nước; chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của thông tin, dữ liệu cung cấp cho Ngân hàng Nhà nước.”.

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung Điều 25

“Điều 25. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.”.

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục kèm theo Thông tư 17/2024/TT-NHNN

1. Thay thế Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư 17/2024/TT-NHNN bằng Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Bổ sung Phụ lục 03.

Điều 14. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

Điều 15. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 31 tháng 8 năm 2025, trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

2. Điều 4 Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2026.

3. Điều 5, Điều 9, khoản 2, khoản 3 Điều 10 Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 12 năm 2025.

Nơi nhận:

- Điều 14;
- Ban lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử của NHNN;
- Lưu: VT, TT (03).

M. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC



Phạm Tiến Dũng

Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 2.5.../2025/TT-NHNN ngày 31 tháng 8 năm 2025 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Phụ lục 02

ĐƠN VỊ.....
(Tên Tổ chức mở tài khoản thanh toán)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

DANH SÁCH KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN MỞ VÀ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN THANH TOÁN
NGHI NGỜ LIÊN QUAN GIAN LẬN, LỪA ĐẢO, VI PHẠM PHÁP LUẬT
(Tháng Năm.....)

STT	Mã khách hàng (CIF)	Số giấy tờ tùy thân	Loại giấy tờ tùy thân	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Số hiệu tài khoản	Ký hiệu viết tắt tài khoản	Ngày mở tài khoản	Số điện thoại đăng ký dịch vụ ngân hàng điện tử	Lý do nghi ngờ	Trạng thái tài khoản	Thông tin định danh duy nhất của thiết bị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1														
2														
3														
4														

Ghi chú:

- Thời gian cung cấp thông tin: **Định kỳ trước ngày 10 hàng tháng và khi có phát sinh thay đổi thông tin.**

- Hình thức cung cấp thông tin: Cung cấp thông qua Hệ thống thông tin hỗ trợ quản lý, giám sát và phòng ngừa rủi ro gian lận trong hoạt động thanh toán của Ngân hàng Nhà nước (SIMO).

Hướng dẫn lập bảng:

12

- Tại Cột 4: Ghi rõ Loại giấy tờ tùy thân bằng số (1, 2, 3, 4, 5, 6, 7) tương ứng như sau: 1. Thẻ căn cước công dân; 2. Thẻ căn cước; 3. Chứng minh nhân dân; 4. Hộ chiếu; 5. Giấy chứng nhận căn cước; 6. Tài khoản định danh và xác thực điện tử; 7. Giấy tờ khác.
- Tại Cột 6: Ghi rõ: "M" đối với giới tính Nam, "F" đối với giới tính Nữ.
- Tại cột 10: Cung cấp ký hiệu viết tắt tài khoản (là các hình thức đặt tên tài khoản khác theo alias, nickname,...) của khách hàng (nếu có).
- Tại Cột 12: Số điện thoại đăng ký dịch vụ ngân hàng điện tử là số điện thoại đăng ký giao dịch trên phần mềm ứng dụng giao dịch ngân hàng trên internet, điện thoại di động.
- Tại Cột 13: Ghi rõ một hoặc nhiều lý do bằng số (1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9) tương ứng như sau:
 1. Thông tin trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán của chủ tài khoản thanh toán không trùng khớp với thông tin của cá nhân đó trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.
 2. Tài khoản thanh toán nằm trong danh sách được quảng cáo, mua, bán, trao đổi trên các website, hội nhóm trên không gian mạng.
 3. Tài khoản thanh toán nhận tiền từ nhiều tài khoản thanh toán khác nhau và được chuyển đi hoặc rút ra ngay trong thời gian rất ngắn (không để lại số dư hoặc để lại rất ít).
 4. Tài khoản thanh toán có hơn 03 giao dịch nhận tiền từ các tài khoản thanh toán nằm trong danh sách có dấu hiệu nghi ngờ liên quan đến lừa đảo, gian lận, giả mạo,...
 5. Khách hàng thuộc danh sách cảnh báo của Ngân hàng Nhà nước, Cơ quan Công an hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác.
 6. Tài khoản thanh toán phát sinh giao dịch bất thường (Ví dụ: Giá trị, số lượng giao dịch lớn, bất thường không phù hợp với nghề nghiệp, độ tuổi, địa chỉ cư trú, lịch sử giao dịch và hành vi,... của chủ tài khoản thanh toán; phát sinh các giao dịch với địa điểm, thời gian, tần suất bất thường...)
 7. Tài khoản thanh toán có giao dịch thanh toán nhưng không thể liên hệ được với khách hàng.
 8. Một thông tin định danh duy nhất của thiết bị được sử dụng để thực hiện giao dịch cho nhiều hơn 01 tài khoản thanh toán.
 9. Dấu hiệu khác: ghi chú rõ nội dung cụ thể (footnote) đối với thông tin này.
- Tại Cột 14: Ghi rõ Trạng thái tài khoản bằng số (1, 2, 3, 4, 5) tương ứng như sau: 1. Đang hoạt động; 2. Tạm ngừng cung cấp dịch vụ ngân hàng điện tử; 3. Tạm khóa; 4. Phong tỏa; 5. Đã đóng.
- Tại Cột 15: Ghi rõ địa chỉ MAC, trường hợp không thể thu thập được địa chỉ MAC, cung cấp thông tin định danh khác của thiết bị như số IMEI, Serial... và ghi rõ loại thông tin định danh thay cho địa chỉ MAC.

NGƯỜI LẬP BẢNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGÂN HÀNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Số điện thoại liên hệ:

Bộ phận:

172

Phụ lục 03

ĐƠN VỊ.....
(Tên Tổ chức mở tài khoản thanh toán)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàythángnăm

DANH SÁCH KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC MỞ VÀ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN THANH TOÁN
NGHI NGỜ GIAN LẬN, LỪA ĐẢO, VI PHẠM PHÁP LUẬT
(Tháng.....năm.....)

ST T	Mã khách hàng (CIF)	Mã số Doanh nghiệp	Loại giấy phép thành lập doanh nghiệp	Ngày thành lập	Tên tổ chức	Địa chỉ trụ sở chính của tổ chức	Số giấy tờ tùy thân của người đại diện hợp pháp	Loại giấy tờ tùy thân của người đại diện hợp pháp	Họ và tên người đại diện hợp pháp	Ngày tháng năm sinh của người đại diện hợp pháp	Giới tính của người đại diện hợp pháp	Quốc tịch của người đại diện hợp pháp	Số điện thoại người đại diện hợp pháp	Số hiệu tài khoản	Ký hiệu viết tắt tài khoản	Ngày mở tài khoản	Trạng thái tài khoản	Lý do ngghi ngờ	Thông tin định danh dự nhất của thiết bị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
1																			
2																			
3																			

Ghi chú:

- Thời gian gửi báo cáo: **Định kỳ trước ngày 10 hàng tháng và khi có phát sinh thay đổi thông tin.**
- Cách thức gửi báo cáo: Cung cấp thông qua Hệ thống thông tin hỗ trợ quản lý, giám sát và phòng ngừa rủi ro gian lận trong hoạt động thanh toán của Ngân hàng Nhà nước (SIMO).

2

Hướng dẫn lập bảng:

Tại Cột (9): Ghi rõ Loại giấy tờ tùy thân bằng số (1, 2, 3, 4, 5, 6, 7) tương ứng như sau: 1. Thẻ căn cước công dân; 2. Thẻ căn cước; 3. Chứng minh nhân dân; 4. Hộ chiếu; 5. Giấy chứng nhận căn cước; 6. Tài khoản định danh và xác thực điện tử; 7. Giấy tờ khác.

Tại Cột (12): Ghi rõ "M" đối với giới tính Nam, "F" đối với giới tính Nữ.

Tại Cột (14): Số điện thoại của người đại diện hợp pháp của tổ chức mở TKTT trong hồ sơ đăng ký mở TKTT

- Tại cột 16: Cung cấp ký hiệu viết tắt tài khoản (là các hình thức đặt tên tài khoản khác theo alias, nickname,...) của khách hàng (nếu có).
- Tại Cột (18): Ghi rõ trạng thái tài khoản thanh toán bằng số (1, 2, 3, 4, 5) tương ứng theo nội dung dưới đây: 1. Đang hoạt động; 2. Tạm ngừng cung cấp dịch vụ ngân hàng điện tử; 3. Tạm khóa; 4. Phong tỏa; 5. Đã đóng.

Tại Cột (19): Ghi rõ một hoặc nhiều lý do bằng số (1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9) tương ứng như sau:

1. Thông tin trong hồ sơ tài khoản thanh toán của tổ chức không trùng khớp với thông tin của tổ chức trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp
 2. Thông tin trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán của người đại diện hợp pháp không trùng khớp với thông tin của cá nhân đó trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.
 3. Tài khoản thanh toán nằm trong danh sách được quảng cáo, mua, bán, trao đổi trên các website, hội nhóm trên không gian mạng.
 4. Tài khoản thanh toán nhận tiền từ nhiều tài khoản thanh toán khác nhau và được chuyển đi hoặc rút ra ngay trong thời gian rất ngắn (không để lại số dư hoặc để lại rất ít).
 5. Tài khoản thanh toán có hơn 03 giao dịch nhận tiền từ các tài khoản thanh toán nằm trong danh sách có dấu hiệu nghi ngờ liên quan đến lừa đảo, gian lận, giả mạo,...
 6. Tổ chức/tài khoản thanh toán/người đại diện hợp pháp của tổ chức thuộc danh sách cảnh báo của Ngân hàng Nhà nước, Cơ quan Công an hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác.
 7. Tài khoản thanh toán phát sinh giao dịch bất thường (giá trị, số lượng, tần suất, thời gian, địa điểm giao dịch bất thường; không phù hợp với ngành nghề kinh doanh, lịch sử giao dịch của tổ chức).
 8. Tài khoản thanh toán có giao dịch thanh toán nhưng không thể liên hệ được với khách hàng.
 9. Dấu hiệu khác: ghi chú rõ nội dung cụ thể (footnote) đối với thông tin này.
- Tại Cột (20): Ghi rõ địa chỉ MAC, trường hợp không thể thu thập được địa chỉ MAC, cung cấp thông tin định danh khác của thiết bị như số IMEI, Serial... và hi rõ loại thông tin định danh thay cho địa chỉ MAC.

NGƯỜI LẬP BẢNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA NGÂN HÀNG**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Số điện thoại liên hệ:

Bộ phận:



2